



Lời giới thiệu

Lịch sử phát triển xã hội đã chứng minh rằng, trong từng thời kỳ và mỗi giai đoạn lịch sử, con người là yếu tố đóng vai trò quyết định sự phát triển theo chiều hướng tiến bộ của xã hội. Điều đó được minh chứng khi dân tộc Việt Nam có biết bao bậc trí thức, hiền nhân đã làm vẻ vang đất nước như Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Trần Hưng Đạo, Trịnh Hoài Đức, Lương Thế Vinh, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Quý Đôn, v.v... rồi đến Hồ Chí Minh, Võ Văn Kiệt, Trần Văn Giàu, Võ Nguyên Giáp,....

Trong công cuộc bảo vệ, đổi mới đất nước ngày nay, với quan điểm và chính sách đúng đắn của Đảng, nhà nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đội ngũ trí thức Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng từ trước đến nay luôn phát huy vai trò của mình để có nhiều đóng góp to lớn, quan trọng vào thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng, phát triển và đổi mới đất nước. Nhằm tưởng nhớ và ghi nhận những công lao của họ để thêm gắn bó truyền thống lịch sử, văn hóa địa phương, chúng ta hãy cùng tìm hiểu, nghiên cứu về các nhân vật lịch sử những người sống trong quá khứ đã từng sống, cống hiến và làm việc ở quê hương Đồng Nai với những giá trị đã để lại những dấu ấn trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của mỗi chúng ta. Đó cũng chính là thể hiện nét đẹp văn minh, văn hóa đô thị và mang giá trị truyền thống lịch sử đến cho các thế hệ trẻ tỉnh nhà.

Với tư liệu có hạn và không có nhiều thời gian để đi trải nghiệm thực tế và tập hợp thống kê hết những thông tin để đưa vào bài thi của năm 2016 nên chất lượng có thể như không như mong muốn nhưng chúng tôi lại vui hơn và yêu hơn quê hương, nơi mình đang sinh sống vì những giá trị lịch sử còn đọng lại sau mỗi câu hỏi của Hội thi tìm hiểu văn hóa - lịch sử hàng năm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai mà theo tôi là rất quý giá./.

NỘI DUNG

CÂU 1: HÃY NÊU CẢM NHẬN CỦA BẠN VỀ TIÊU SỬ NHÂN VẬT ĐƯỢC CHỌN ĐẶT TÊN ĐƯỜNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG (PHƯỜNG, XÃ) NƠI BẠN ĐANG Ở. NHỮNG HÀNH ĐỘNG, ĐỨC TÍNH NÀO CỦA NHÂN VẬT BẠN CẦN HỌC TẬP LÀM THEO?

1. Đôi nét giới thiệu việc viết về tên đường mang tên Bùi Hữu Nghĩa

Hiện gia đình tôi cư ngụ tại phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Gần khu vực này và tuyến đường mỗi ngày đi về giữa cơ quan và nhà cũng như trong các hoạt động sinh hoạt, tôi thấy có một số tuyến đường sử dụng tên các anh hùng liệt sĩ, danh nhân văn hóa như Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Tri Phương, Đỗ Văn Thi, Nguyễn Thị Tồn, Hoàng Minh Chánh ... Tuy nhiên, do gia đình tôi đang sinh sống tại căn nhà có địa chỉ 745 Đường Bùi Hữu Nghĩa, khu phố 2, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Do đó, nhân vật lịch sử mà tôi xin trình bày cảm nhận và học tập những hành động, đức tính từ nhân vật được chọn để đặt tên đường chính là **ông Bùi Nghĩa Nghĩa**.

Lật lại các trang tài liệu, tư liệu tra cứu được sau năm 1975, việc đặt tên đường đã được quan tâm khôi phục lại nhằm bảo tồn văn hóa địa phương. Trước hết, đề tài nghiên cứu khoa học “Điều chỉnh, sửa đổi, đặt mới tên đường ở thành phố Biên Hòa” do UBND thành phố Biên Hòa là cơ quan chủ trì giai đoạn 1996-1998. Đồng thời, đây cũng là công trình thực hiện để chào mừng kỷ



H.1. Một góc vị trí đường Bùi Hữu Nghĩa trên bản đồ địa chính

niệm thành phố Biên Hòa tròn 300 tuổi. Một nhu cầu cấp thiết vừa đáp ứng yêu cầu quy hoạch phát triển đô thị, quản lý hành chính, giao tiếp xã hội vừa giữ nét đặc trưng, lịch sử truyền thống của quê hương địa phương, Biên Hòa, Đồng Nai.

Theo Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 06/9/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị

quyết số 91/2007/NQ-HĐND ngày 25/7/2007 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc



đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng tại thành phố Biên Hòa, Bùi Hữu Nghĩa là nhân vật lịch sử thời trung cận đại và đã từng sử dụng đặt tên đường giai đoạn trước năm 1975. Từ năm 2007 cho đến nay, tên Bùi Hữu Nghĩa là một trong mười một (11) danh nhân lịch sử, văn hóa dân tộc được dùng để đặt mới tên đường trên các tuyến lưu thông trên địa bàn tỉnh. Để tưởng nhớ đến công lao trong thời gian Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa trấn nhậm ở Biên Hòa, nhân dân và Đảng bộ tỉnh Đồng Nai quyết định lấy tên ông để đặt mới cho con đường tuyến đường Tỉnh lộ 16 - LT16 (có tên cũ là đường tỉnh 760 - ĐT760).



H.2. Điểm đầu, Tân Vạn (a) và điểm cuối, Tân Hạnh (b) của Đường Bùi Hữu Nghĩa

Tính phần ranh giới của địa phận tỉnh Đồng Nai, đường Bùi Hữu Nghĩa có điểm đầu từ cầu Tân Vạn, thuộc phường Tân Vạn đến điểm cuối là cầu Ông Tiếp, thuộc xã Tân Hạnh. Điểm đầu và điểm cuối của đường Bùi Hữu Nghĩa đều tiếp ranh với địa phận tỉnh Bình Dương. Đoạn đường Bùi Hữu Nghĩa đi qua các phường Tân Vạn, Bửu Hòa, xã Hóa An và xã Tân Hạnh và được xem là con đường huyết mạch của thành phố Biên Hòa. Qua việc nâng cấp, sửa chữa, mở rộng đã giúp người dân ở khu vực lân cận thuận lợi về giao thông giữa tỉnh Đồng Nai - thành phố Hồ Chí Minh - tỉnh Bình Dương - tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đường Bùi Hữu Nghĩa rộng khoảng 12m và độ dài khoảng 9.100m, đây là nơi có nhiều cơ quan tọa lạc như: Trường THCS Tân An, Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi, Trường Tiểu học Trần Văn Ôn, Trường THCS Ngô Gia Tự, chợ Bửu Hòa, Trung tâm y tế xã Hóa An, Bệnh viện Đa khoa phường Bửu Hòa, ... và nhiều công ty, nhà máy, xí nghiệp đầu tư, xây dựng để hoạt động sản xuất và kinh doanh nơi đây.

2. Sơ lược tiểu sử nhân vật Bùi Hữu Nghĩa



H.3. Sách về Bùi Hữu Nghĩa,
NXB Trẻ, 2004

Ông Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872), hiệu Nghi Chi, có tên cũ là Bùi Quang Nghĩa, là quan nhà Nguyễn và là nhà thơ tiêu biểu ở Nam bộ thế kỷ XIX. Ông sinh ra ở làng Long Tuyền, phủ Vĩnh Định, trấn Vĩnh Thanh vào năm Đinh Mão 1807 (nay là quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ) trong một gia đình làm nghề chài lưới. Tuy nhà nghèo nhưng cha ông là Bùi Hữu Vi thấy con thông minh, chăm chỉ và ham học đã đưa Bùi Hữu Nghĩa lên Biên Hòa theo học với ông đồ Hoành, tổng Chánh Mỹ Thượng, ở làng Mỹ Khánh (nay là phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa).

Qua những năm đèn sách miệt mài, Bùi Hữu Nghĩa vượt hẳn các bạn đồng học, được thầy khen bạn mến. Năm 1835, nhằm năm Minh Mạng thứ 16, ông đỗ giải nguyên (*tức là đậu đầu cử nhân hay là đậu thủ khoa*) kỳ thi hương ở Gia Định. Ông nổi tiếng từ đấy. Sau khi thi đỗ kỳ thi hương, ông được triều đình cho tập sự ở Bộ Lễ, rồi bổ làm tri phủ Phước Long, Biên Hòa, Đồng Nai.



H. 4. Lều chông để đi thi kỳ thi Hương bấy giờ

Ít lâu sau khi nhậm chức làm tri huyện ở Phước Long (Biên Hòa), thủ khoa Nghĩa kết duyên với bà Nguyễn Thị Tồn, con gái của ông Nguyễn Văn Lý ở Biên Hòa, người đã đùm bọc ông suốt thời gian học tập ở đây. Sau đó, ông thuyên chuyển đi làm Tri huyện Trà Vang (tỉnh Trà Vinh ngày nay).

Trong quá trình làm quan, do ông vốn có tấm lòng thương dân yêu nước căm ghét bọn quan lại tham nhũng, thói nát, xu nịnh và bọn nhà giàu có cậy

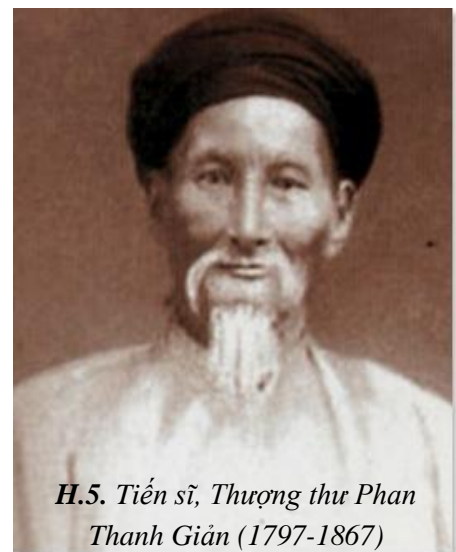


quyền thế, ức hiếp dân lành nên Bùi Hữu Nghĩa đã không ngần ngại đứng về phía kẻ yếu, bênh vực, cảm thông với mọi thống khổ của đồng bào, trong đó có người dân nghèo Khơ-me. Chính ông là người đứng ra giải quyết và có ý bênh vực người dân Khơ-me khi giữa họ có xảy ra tranh chấp với một số địa chủ gốc người Hoa đã lót tay bằng “phong bì” với những quan trên ở Vĩnh Long như Tổng đốc Uyển và Bố chánh Truyện để “mua thầu” độc quyền khai thác cá tôm ở rạch Láng Thè, đẩy người dân Khơ-me vốn nghèo nay lại lâm thêm vào cảnh trắng tay. Lẽ ra đây chỉ là một vụ việc nhỏ, có thể giải quyết một cách ôn hòa, nhưng do cái tâm luôn hướng về dân nghèo và quá bất bình trước việc làm khuất lấp, thỏa thuận ngầm của các quan trên, nên khi các hương mục Khơ-me kéo đến khiếu kiện ở dinh môn, nơi ông đang cai quản. Ông đã phán xử cho người dân Khơ-me được tiếp tục khai thác nguồn lợi thủy sản ở kênh Láng Thè:

“Rạch Láng Thè từ trước đến giờ được đức Thế Tổ ban thủy lợi vĩnh viễn cho các người, thì các người cứ chiếm lấy. Nay nếu có ai lớn hơn Thế Tổ tự bán rạch ấy thì các người phải cam chịu, còn nếu ai nhỏ hơn Thế Tổ đứng bán rạch ấy thì có chém nó đứt đầu cũng chẳng sao!”

Đám dân nghèo gốc Khơ-me từ lâu bị dày xéo như giun dế, nghe lời phán xử, bèn hè nhau đến phá đập của những người gốc Hoa và hai bên xảy ra một cuộc xô xát đẫm máu làm thiệt mạng gần chục người gốc Hoa. Thế là, bọn quan tỉnh đã sẵn mối hiềm khích từ trước nên nhân cơ hội này cho bắt một số người có liên quan và bắt luôn Bùi Hữu Nghĩa tạm giam ở Vĩnh Long rồi giải về Gia Định, đệ sớ lên triều đình tố cáo ông đã cầm đầu và kích động dân Khơ-me làm loạn, lạm phép giết người.

Chính do bênh vực quyền lợi người yếu thế mà ông đã gây hậu quả hết sức nghiêm trọng cho chính bản thân mình và kết cùng ông bị kết án oan tử hình. Lý lịch cuộc đời ông có lẽ sẽ tạm thời kết thúc ở trang này nhưng không nó lại mở ra một trang mới để viết tiếp bởi người vợ của ông, bà Nguyễn Thị Tồn. Trước nỗi oan ức của chồng, năm 1849, bà Nguyễn Thị Tồn nhất quyết từ quê Biên Hòa để thân chinh ra tận Kinh đô Huế để minh oan cho chồng. Tới kinh đô, bà nhanh chóng tìm ngay đến dinh Phan Thanh Giản, đang giữ chức Lại bộ thượng thư trình bày hết vụ việc



H.5. Tiến sĩ, Thượng thư Phan Thanh Giản (1797-1867)

xảy ra với chồng mình và tỏ ra ý muốn đội sớ kêu oan trước triều đình. Phan Thanh Giản nghe xong đã có lời an ủi bà và giúp bà thảo sớ dâng vua. Chờ vào lúc canh năm, bà đến trước sân chầu khua ba hồi trống “kích cổ đặng vân”, thúc giục vua lâm triều, để dâng sớ kêu oan cho chồng. Trước hành động can trường, đáng kính phục của bà đã khiến cho vua Tự Đức đồng ý tha cho Bùi Hữu Nghĩa khỏi tội tử hình nhưng phải “quân tiền hiệu lực, đại tội lập công” (phải ra trận lập công chuộc tội).



H.6. Hoàng Thái Hậu Từ Dũ (1810- 1902)

Nơi chôn hoàng thành, nghe tin có người đàn bà quê đất Biên Hòa, Đồng Nai lặn lội ra tận kinh đô Huế minh oan cho chồng, bà Từ Dũ - mẹ vua Tự Đức - đã cho vời đến gặp. Bà Nguyễn Thị Tồn vào yết kiến và tâu qua mọi việc. Hoàng Thái hậu Từ Dũ cảm động và tặng một tấm biển đề bốn chữ vàng “Liệt phụ khả gia”.

Đến đây, câu chuyện về vợ chồng Bùi Hữu Nghĩa và Nguyễn Thị Tồn tưởng chừng là cái kết có hậu vì có công của vợ giúp chồng khỏi tội chết. Tuy nhiên khi bà Nguyễn Thị Tồn từ kinh đô Huế trở về quê nhà thì cũng là lúc Bùi Hữu Nghĩa bị đưa đi trấn đồn Vĩnh Thông (Châu Đốc) - nơi giáp với nước Cam-pu-chia. Nơi đây, tình hình thường xuyên không ổn định, bởi các cuộc nổi dậy chống triều đình của thổ dân và người bên kia nước láng giềng. Thế là, trong một cuộc chạm trán, đồn Vĩnh Thông thất thủ, quan quân trong đồn bị giết và bị bắt đi khá nhiều, trong đó có Bùi Hữu Nghĩa. Tai ương nối tiếp tai ương, sự việc thay đổi muôn chiều và không được như ý muốn, bà lại phải xa chồng cho đến khi lâm bệnh và mất tại Biên Hòa.



H.7. Căn nhà từng ghi dấu ấn ông Bùi Hữu Nghĩa và bà Nguyễn Thị Tồn tại phường Bửu Hòa



Đến lượt Bùi Hữu Nghĩa nơi chốn xa xôi lại nghe tin dữ, người vợ hiền, người có ảnh hưởng quyết định đến vận mệnh của ông lại lâm chung, nỗi đau như dồn nén vào bài văn tế và được lưu truyền vào lịch sử văn học nước nhà khi ông tự trách mình:

**我貧卿能助我冤卿能明朝郡皆稱卿是婦 Ngã bần, khanh năng trợ;
ngã oan khanh năng minh, triều dã giai xưng khanh thị phụ** (Ta nghèo, mình hay giúp đỡ; ta tội, mình biết kêu oan, trong triều ngoài quận đều khen mình mới thật là vợ)

**卿病我不藥卿死我不喪江山膺笑我非夫 Khanh bệnh, ngã bất dược;
khanh tử ngã bất táng, giang sơn ưng tiếu ngã phi phu** (Mình bệnh, ta không thuốc thang; mình chết, ta không chôn cất; non sông cười ta chẳng xứng gọi là chồng)

Đến khi ông trở lại Biên Hòa, tính thời gian từ khi xa cách đến ngày trở lại thì:

“Đã chẵn ba năm mới đặng thăm
Màn loan đâu vắng bật hơi tăm
.... Chồng nhớ vợ lòng tơ bối rối
Con thương mẹ lụy ngọc tuôn dầm
Có linh chín suối đừng xao lãng
Thỉnh thoảng về thăm lúc tối tăm”

(Khóc vợ)

Vậy đó, từ vụ Láng Thέ và đến sau vụ Láng Thέ, Bùi Hữu Nghĩa hầu như mất tất cả. Những mất mát nơi chốn quan trường, Bùi Hữu Nghĩa không một lời than vãn, nhưng trước sự ra đi vĩnh viễn của người vợ hiền dám ra tận kinh đô kêu oan cho mình đã khiến ông đau đớn tột cùng. Sau khi Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam kỳ, triều đình nhà Nguyễn nhu nhược bán nước, cắt Nam Kỳ lục tỉnh cho Pháp. Sự kiện này là nỗi đau thống thiết chung của toàn dân, mà trước hết là những sĩ phu yêu nước như Bùi Hữu Nghĩa, Huỳnh Mẫn Đạt, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị, ... Bùi Hữu Nghĩa từ quan trở về làng quê dạy học và bốc thuốc chữa bệnh, cứu giúp nhân dân với ý nghĩ “tiên vi quan, thoái vi sư”. Trong những ngày đau thương của dân tộc, Bùi Hữu Nghĩa đã gần 60 tuổi, không thể trực tiếp tham gia nghĩa quân đánh giặc, nhưng bằng lời thơ, qua ý thơ, Bùi Hữu Nghĩa đã thể hiện được tinh thần yêu nước nồng nàn. Ông đã cổ

vũ cho phong trào yêu nước chống Pháp lúc bấy giờ. Vốn là một trí thức lớn nên ông còn có một thú vui điền viên là sáng tác văn học và thơ ca. Văn thơ ông viết đều nổi tiếng là “văn hay, chữ tốt”.

Trước những biến cố của mình và cảnh nhân tình thế thái lúc bấy giờ cộng với tài văn của ông, Bùi Hữu Nghĩa đã cảm hứng làm những bài thơ, văn, phú, văn tế... Tất cả đều thể hiện một tấm lòng yêu nước, thương dân, ca ngợi ý chí quật cường, tinh thần đoàn kết dân tộc, đạo lý thủy chung của con người, giữ gìn nhân cách trong sáng. Nhiều bài thơ thâm đậm chất nhân văn như: Khóc



H.8. Một số bài thơ tiêu biểu sau mộ Bùi Hữu Nghĩa

vợ, Văn tế vợ, Văn tế con, Thú câu, Ngồi tù ở Vĩnh Long, Hà âm cảm tác v.v... đã được trích lục và gắn trên các bức tường sau ngôi mộ ông. Đặc biệt, vờ tuồng “Kim, Thạch kỳ duyên”

như một điểm sáng lấp lánh trong sự nghiệp văn chương của Bùi Hữu Nghĩa. Vờ tuồng biên soạn năm 1865, thể hiện vốn ngôn ngữ uyên bác đã mở ra một thời kỳ mới cho sân khấu hát tuồng Nam bộ. Vờ tuồng đầu tiên được dịch ra tiếng Pháp và từng lưu diễn khắp nơi. Với tài sáng tác văn chương, ông được truyền tụng là một trong bốn “Rồng vàng” của thi đàn Đồng Nai, Gia định. Cái tài ấy được đánh giá là tác giả hàng đầu, tiêu biểu cho kẻ sĩ đất Nam Kỳ. Do đó, ông được xem là một nhà thơ của vùng đất phương Nam từng được truyền tụng trong câu ca:

Đồng Nai có bốn rồng vàng
Lộc họa, Nghĩa phú, Sang đàn, Nghĩa thi



H.9. Bàn thờ Bùi Hữu Nghĩa ở Tp. Cần Thơ

Quay về đời sống vợ chồng của Bùi Hữu Nghĩa và Nguyễn Thị Tồn, ông bà có 5 người con trai: Bùi Hữu Vang, Bùi Hữu Tú, Bùi Hữu Khánh, Bùi Hữu Sanh, Bùi Hữu Út và hai người con gái: Bùi Thị Xiêm, Bùi Thị Bê, trước đây họ từng sống ở Cần Thơ. Trải trên 24 năm làm quan, bản thân Bùi Hữu Nghĩa luôn nêu cao nghĩa khí, đứng về phía nhân dân chống lại bọn quan lại tham nhũng,



nêu cao tinh thần trọng nghĩa khinh tài, giữ vững sĩ khí đúng như một vế câu liễn ghi ở bàn thờ ông: Cương dũng đả cường hào, sĩ khí thiên thu bất hủ. Con đường làm quan của ông chính là để có điều kiện đem tài năng giúp dân, cứu nước. Bùi Hữu Nghĩa luôn phát cao cờ nghĩa, chiến đấu trực diện với kẻ thù. Ý chí ấy trước sau như một, theo đạo lý của kẻ sĩ: Kiến nghĩa bất vi vô đồng dã/Lâm nguy bất cứu mạc anh hùng (thấy việc nghĩa mà không làm không phải là người dũng cảm, gặp người khác lâm nguy mà không cứu, không phải là người anh hùng). Mặc dù đã từ quan nhưng ông vẫn bí mật giúp nghĩa quân Phan Tôn, Phan Liêm (con Phan Thanh Giản) mở rộng thế lực ở Cần Thơ và Vĩnh Long trong những năm 1867-1868, bí mật làm cố vấn cho nghĩa quân Đỗ Thừa Luông, Đỗ Thừa Tự ở Cần Thơ (1869).

Do khói lửa chiến tranh làm thất lạc và điều kiện đất nước lúc bấy giờ nên hình ảnh, tư liệu, kỷ vật, thơ văn về Bùi Hữu Nghĩa để lại cho chúng ta ngày nay không nhiều lắm. Theo kết quả do ông Phạm Duy Tư, nguyên Hiệu trưởng trường PTTN Bùi Hữu Nghĩa ở thành phố Cần Thơ sưu tầm, tổng hợp thành cuốn Giai thoại và thơ văn Bùi Hữu Nghĩa (Ban Khoa giáo Tỉnh ủy Cần Thơ (cũ), xuất bản tháng 2/1994, thì có khoảng 18 giai thoại, 39 bài thơ chữ Hán, chữ Nôm, văn tế cùng một số bài thơ khác ... Kết quả này đã trở thành một trong những tài liệu quý để chúng ta tham khảo. Theo đó, thơ văn ông sử dụng ngôn từ miêu tả đầy đủ từ cảnh thôn quê dân dã đến cảnh rừng núi, thành thị, chốn cung đình. Và đây còn là những minh chứng cho đức tính, nhân cách và công đức thêm về ông khi “cầm bút thay gươm”. Khi sáng tác ông lấy biệt hiệu là "Liễu Lâm chủ nhân". Nhà ông là nơi các sĩ phu yêu nước gặp gỡ, bàn bạc việc chống Pháp cứu nước. Nơi đây, Thủ khoa Nghĩa trở thành một nhà giáo để đào tạo cho lớp học trò trẻ, với niềm hy vọng sau này sẽ gánh vác việc nước, vì thế ông giành nhiều thì giờ giáo huấn và khuyên học trò nên cố gắng học hành, làm những điều tốt, tránh những thói hư tật xấu, để sau này trở thành công dân hữu ích cho xã hội, ví như bài thơ Khuyên học trò dưới đây:

*Ăn ngủ làm chi hời học trò,
Có công đi học phải toan lo,
Chơi bời hoa nguyệt đừng mơ tưởng,
Học hỏi vàng thau phải dẫn đo...*

Ngoài ra, ông còn tham gia phong trào Văn Thân để chống giặc Pháp, không phải bằng sức lực mà bằng những bài thơ yêu nước nồng nàn để nung đúc tinh thần cho các phong trào yêu nước lúc bấy giờ:



Ai xui Tây đến

Ai khiến thằng Tây tới vậy à?

Đất bằng bông chóc nổi phong ba,

Nam Kỳ chi thiếu người trung nghĩa,

Báo quốc Cần Vương hà một ta.

Ông rất tin tưởng và lạc quan cuộc chống

Anh hùng sáu tỉnh thiếu chi đây,

Đâu để giang san đến thế này!

Hùm nương non rậm toan chờ thuở,

Cáo loạn vườn hoang thác có ngày,

Một góc cảm thương dân nước lửa,

Đền Nam trụ cả há lung lay.

Giặc Pháp biết Thủ khoa Nghĩa là một nhà khoa bảng, tuy đã từ bỏ quan trường, nhưng lại là một nhà thơ và một sĩ phu yêu nước, đang cổ vũ tinh thần cho nghĩa sĩ, đứng lên cứu nước trừ giặc ngoại xâm rất tích cực, cho nên bọn thực dân Pháp đã dùng mọi cách để mua chuộc và dụ dỗ. Nhưng, với lòng yêu nước chân thành, căm thù giặc Pháp và khí tiết bất khuất của người chí sĩ, không thể lung lạc. Vì thế, ông bị giặc Pháp bắt giam tại Vĩnh Long vào năm 1868 (Đây là lần thứ hai ông bị bắt giam tại Vĩnh Long trong cuộc đời của mình). Sau đó, ông bị giải về Gia Định, tên tay sai Đỗ Hữu Phương bảo lãnh đưa về nhà riêng tiếp đãi tử tế, ngõ hầu thuyết phục ông lần nữa, nhưng cuối cùng không thành và nơi này ông đã nói thẳng với ông Đỗ Hữu Phương rằng: "Đầu tôi không sợ rơi, mà chỉ sợ phải đội chung với những kẻ đang thiêu đốt giang san này".. Cuối cùng ông Đỗ Hữu Phương đành phải lựa lời nói với Pháp để thả Bùi Hữu Nghĩa về. Dù đã được trả tự do, nhưng ông không an tâm và nỗi lo cho đất nước vẫn canh cánh bên lòng, cho nên lúc nào ông cũng mong:

Non nước ví như mà cũ được,

Trong tuần say mãi sướng hơn không?

Ông được đánh giá là nhà thơ bậc đàn anh không những về tuổi mà cả về tài đức nữa. Riêng ở Vĩnh Long thì có ca dao trong dân gian như sau :

Vĩnh Long có cặp rồng vàng,

Nhất Bùi Hữu Nghĩa, nhì Phan Tuấn Thân (tức Phan Thanh Giản).



Phan Thanh Giản, tài thơ, người đầu tiên đỗ Tiến sĩ ở Nam Bộ, có học vị cao nhất, cũng phải xếp sau Bùi Hữu Nghĩa, đủ thấy danh hiệu Ròng vàng mà nhân dân phong tặng cho ông thật cao quý và xứng đáng. Khi nói Thủ khoa Nghĩa làm thơ khi ẩn sĩ, thì không thể kể hết. Bùi Hữu Nghĩa, người thi sĩ - chiến sĩ ấy thay lưỡi gươm bằng ngòi bút đã chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, là một nghệ sĩ lớn trên nhiều lĩnh vực: nhà quân sự, nhà thơ, nhà văn, nhà soạn tuồng, nhà giáo, nhà thuốc...

Cuối cùng, sau một cơn bệnh nặng, Bùi Hữu Nghĩa đã từ già cõi đời vào ngày 21 tháng giêng năm Nhâm Thân (1872), thọ 65 tuổi, an táng ở làng Long Tuyền, Cần Thơ. Mến mộ công đức ông, nhân dân lập thần chủ, bài vị tôn thờ ông tại Đình Bình Thủy và chùa Nam Nhã. Mộ ông nằm tại phường Bình Thủy (Cần Thơ) từ năm 1872. Năm 1943, Hội Khuyến học Cần Thơ đứng ra trùng tu và gắn đây được xây dựng lại khang trang hơn.

3. Nhận xét, đánh giá và cảm nhận

Qua tìm hiểu tiểu sử và một số tác phẩm văn học tiêu biểu của Bùi Hữu Nghĩa, cho thấy Bùi Hữu Nghĩa không những là người chiến sĩ hết lòng vì dân vì nước, mà còn là một người chồng rất mực thủy chung, người cha thương yêu con vô hạn. Nhìn chung, cảm hứng nổi bật trong thơ Bùi Hữu Nghĩa là nỗi niềm chua xót và tấm lòng vàng đá đối với đất nước, sự khao khát được trở lại một thuở thăng bình theo lý tưởng Nho giáo. Ông thường vịnh vật để tỏ thái độ khinh thị bọn người có địa vị trong xã hội đương thời, bất tài và hãnh tiến; vịnh các nhân vật lịch sử để bộc bạch tâm sự bất đắc chí, sinh không gặp thời...



H.10. Ấn phẩm Kim Thạch kỳ duyên, NXB Văn Học, 1993

Ở chùm thơ Vịnh ngũ luân có bài Phu-Phụ nói về quan hệ vợ chồng. Ông đã không xếp thứ bậc theo đạo Nho gia, quy định kiểu tam cương, ngũ thường, mà xếp Phu (vợ) lên trước Phụ (chồng), đủ thấy sự tôn trọng của ông đối với người phụ nữ. Ông có một quan niệm tiên bộ về đạo vợ chồng là phải cùng nhau chia sẻ ngọt bùi và đắng cay thủy chung: Khi nghèo đồng chịu, giàu đồng hưởng, kết tóc trăm năm mới đắng lòng. Trong thơ Bùi Hữu Nghĩa, ta không thấy có chỗ nào gắn đất nước với vua chúa và nhà nước phong kiến, mà chỉ nói đến trách nhiệm của mình trước vận mệnh dân tộc, như các bài: Thời cuộc, Tức sự, Ngọa bệnh, Ký thác, Ai xui Tây đến?... Bùi Hữu Nghĩa cũng không coi phụ nữ là nữ nhi thường tình



như một số bậc tước Nho khác. Qua một số bài văn tế và vở tuồng Kim Thạch Kỳ Duyên ông đã ngợi ca thiên chức của người vợ, người mẹ, người em gái. Đối với việc học tập, ông luôn khuyên học trò: Dầu có ruộng vườn năm bảy mẫu, sao bằng kinh sử một đôi pho. Với đạo quân thần, ông quan niệm: Minh lương hai chữ vầy trên dưới nước trị, nhà an, bốn biển vui. Đạo cha con phải: Cha lành, con thảo tiếng thơm còn. Đạo anh em phải: Sanh cùng một cội, cùng xương thịt; sống thác nương nhau....

Qua đó, ta thấy nổi lên quan niệm, nhân cách của ông toát lên qua ý văn, lời thơ, ông còn tinh tế trong việc sử dụng ngôn từ, có thể ví ông là bậc thầy về ngôn ngữ, cụ thể: đối với tục ngữ, thành ngữ có khi Bùi Hữu Nghĩa dùng nguyên vẹn, có khi tách ra một vế xen vào lời văn: Ngọn đèn gió bật, dầu dãi nắng mưa, ăn cần ở kiệm, giàu không khoe, khó không đua, ruột tợ kim châm, gan đường muối xát, gió nữ, mưa ngâu... Hài đôi khi Bùi Hữu Nghĩa còn vận dụng lối lấy Kiều hoặc lối kể chuyện dân gian, vừa đọc vừa kể Vân Tiên. Từ câu Kiều của Nguyễn Du: Kiều càng sắc xảo mặn mà/So bề tài sắc lại là phần hơn, thì ông lại viết ở bài Vịnh Kiều có câu: Nghĩ Thúy Kiều tài sắc kém chi ai Sắc có một mà tài biết mấy? Chính vì thế mà thơ văn của Bùi Hữu Nghĩa có sức sống lâu bền trong lòng người đọc nhiều thế hệ. Nhớ tới Bùi Hữu Nghĩa, là nhớ tới “Rồng vàng” chính do ngòi bút và bằng hành động thiết thực trong cuộc đời của ông. Chất thép và chất tình luôn thấm đẫm trên mỗi trang thơ, trang đời của Bùi Hữu Nghĩa. Để hôm nay, chúng ta tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm, tổng hợp để tiếp thu, học tập một gia tài tinh thần với lòng kính trọng, một sự tiếp nối đi lên theo chiều dài lịch sử và theo yêu cầu phát triển của xã hội mới. Đánh giá cao con người và sự nghiệp văn học của Bùi Hữu Nghĩa, chúng ta rất biết ơn ông về tất cả những gì ông để lại cho chúng ta hôm nay và các thế hệ sau nữa.

Ngẫm nghĩ, cuộc sống không cho ai tất cả và cũng không lấy của ai hết bao giờ. Con đường quan trường của ông dù có thuận lợi (do năng lực ông mà có) nhưng cũng thật nhiều chông gai nhưng bù lại Bùi Hữu Nghĩa may mắn thay khi có một người vợ đầy đức hạnh và đúng nghĩa “liệt phụ khả gia” (*người phụ nữ tiết liệt trong gia đình*). Kể từ khi mới nhân duyên Bùi Hữu Nghĩa-Nguyễn Thị Tồn kết chặt, ông bà luôn sánh bước bên nhau và đã trở thành một bài tình ca thật đẹp và lãng mạn từ lúc sinh thời cho đến ngày đã “ngậm cười nuôi chín suối” vẫn mãi lưu truyền cho nhiều thế hệ mai sau đậm chất nhân văn. Khi nhắc đến Bùi Hữu Nghĩa thì chúng ta lại không quên nhắc đến người vợ của ông vì tên tuổi bà Nguyễn Thị Tồn luôn gắn liền với cuộc đời Bùi Hữu Nghĩa. Cả hai ông bà cùng song hành đi vào lịch sử và luôn được người đời ca

tụng, mến phục. Tự hào thay cho quê hương Biên Hòa, Đồng Nai. Ngày nay, ngoài việc sử dụng tên Bùi Hữu Nghĩa để đặt tên đường như đã nêu trên, tên Bùi Hữu Nghĩa còn được nhiều tỉnh thành trong cả nước chọn đặt tên cho công viên, trường học, dựng tượng, xây dựng khu tưởng niệm.



H.11. Bùi Hữu Nghĩa và Nguyễn Thị Tôn vẫn tồn tại song song sau khi đã “ngậm cười nơi chín suối” (hình I) ở khu tưởng niệm Tp. Cần Thơ và (hình II) phân đường giao cắt tại Tp. Biên Hòa

4. Việc nêu gương từ nhân vật lịch sử

Đã hai thế kỷ trôi qua, nhưng tên tuổi và sự nghiệp của Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa vẫn là vàng hào quang chói lọi cho các thế hệ học tập. Ông một vị quan thanh liêm, một nhà thơ, nhà soạn tuồng nổi tiếng của miền Nam cuối thế kỷ XIX. Bùi Hữu Nghĩa đã để lại cho đời nhiều tác phẩm có giá trị, góp phần không nhỏ vào kho tàng văn học Việt Nam. Đồng thời, công ông cũng góp phần làm hồi sinh tuồng cổ, đờn ca tài tử, cải lương nam Bộ vì với bộ môn nghệ thuật tuồng cổ, ông ghi dấu ấn là soạn giả tuồng đầu tiên của đất Nam Kỳ. Một bộ môn nghệ thuật đang được tiếp tục phát huy và bảo tồn. Cuộc đời Bùi Hữu Nghĩa là tấm gương sáng về hiếu học, chánh trực; một nhân cách sống về khí phách kiên cường đấu tranh chống áp bức, bất công...

Được sinh ra và lớn lên giai đoạn sau năm 1975, qua tìm hiểu và đọc các tài liệu liên quan về ông, tôi lại càng thấu hiểu và yêu quý ông nhiều hơn. Tự hào về Bùi Hữu Nghĩa là chúng ta tự hào về một con người tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, một ngòi bút tài hoa của đất nước (một soạn giả tuồng bậc thầy, một nhà thơ nổi tiếng), một nhà tư tưởng có nhiều quan điểm tiên bộ, một vị quan cương trực, bất khuất trước cường quyền, bao giờ cũng tự rèn luyện và xem trọng hai chữ làm người... rất xứng đáng với danh hiệu là một “Rồng vàng” trên văn đàn Đồng Nai mà nhân dân truyền tụng, một người chồng, người cha trọn nghĩa vẹn tình, một người thầy mẫu mực xứng đáng cho các thế hệ trẻ noi theo. Kể từ ngày Bùi Hữu Nghĩa ra đi, những vần thơ và tấm lòng trung can



nghĩa hiệp của ông đã giáo dục truyền thống cho các thế hệ về tinh thần yêu nước, góp phần xây dựng nhân cách văn hoá con người và nhiều bài học làm người trong cuộc sống. Chúng ta hôm nay, nguyện noi gương ông hãy làm người sống có ích cho xã hội, có thái độ sống tích cực, đấu tranh chống tiêu cực trong xã hội và ý thức tự học tập để làm giàu tri thức của mình. Trong công việc, bản thân luôn nỗ lực làm tròn và có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao. không quản ngại khó khăn, đề cao tinh thần “mình vì mọi người”, trong gia đình hãy là người con hiếu thảo, đoàn kết anh chị em...

Học tập, noi gương ở con người Bùi Hữu Nghĩa là thế, nhưng riêng ở vợ ông - bà Nguyễn Thị Tồn, chúng ta cũng không làm phép loại trừ. Chính bà Tồn cũng ngợi sáng một nhân cách sống đáng để noi theo. Trong thời đại phong kiến tư tưởng trọng nam khinh nữ, người phụ nữ bị khép chặt vào chuẩn mực với 4 chữ “tam tòng tứ đức”, người phụ nữ chỉ biết phục tùng, vâng mệnh, từ nhỏ ở với gia đình, lớn lên lấy chồng theo chồng phục tùng chồng, họ chỉ biết chịu đựng không bao giờ có ý nghĩ chống đối hay làm khác lời dạy hay chỉ bảo của chồng... thế nhưng hành động của bà Nguyễn Thị Tồn thì thật đáng khâm phục. Bà hiến thân cho sự trung trinh, gan dạ, thủy chung, son sắt không quản ngại khó khăn, gian khổ, thân gái dặm trường lên kinh thành tìm cách đánh trống kêu oan để cứu chồng.



H.12. Tranh mô tả cảnh Nguyễn Thị Tồn đánh trống kêu oan cho Bùi Hữu Nghĩa ở triều đình Huế

Hay nói cách khác, bà Nguyễn Thị Tồn không chỉ tấm gương sáng cho phụ nữ thời bấy giờ mến phục khi những hủ tục phong kiến còn khát khe, lạc hậu, kìm hãm làm cho người phụ nữ không dám thể hiện mình, phải khép mình theo những khuôn phép sắp đặt sẵn mà còn để hậu thế cảm kích và thán phục. Một người phụ nữ biết “vượt lên chính mình” và tự đấu tranh để đi tìm chính nghĩa, dám dấn thân vào thử thách để vẽ cho cuộc đời mình hai chữ hạnh phúc thật sự bằng chính sự cố gắng, phấn đấu, nỗ lực không ngừng từ bản thân. Hành động của bà lúc bấy giờ nhưng đã thể hiện sự tiến bộ vượt thời đại, biết đi tìm



sự công bằng trong xã hội. Từ đó, chúng ta học ở bà một bản lĩnh phi thường, không khuất phục trước mọi khó khăn, làm là làm đến nơi đến chốn. Và đến hôm nay, Đảng và nhà nước, các cơ quan, đoàn thể đang từng ngày có nhiều chương trình, chính sách để đạt mục tiêu vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Câu chuyện huyền sử nghĩa vợ tình chồng, thủy chung son sắt của Bùi Hữu Nghĩa - Nguyễn Thị Tồn đã đi vào văn học, nghệ thuật. Câu chuyện này đã được cố nhà văn - soạn giả Ngọc Linh viết thành tuồng cải lương kinh điển “Muôn dặm vì chồng” đã lấy biết bao giọt nước mắt của khán giả mộ điệu cải lương vào những năm 1990. Từ đó, nhân vật Bùi Hữu Nghĩa và Nguyễn Thị Tồn trở thành một tấm gương điển hình cho đức tính trung hậu, luôn được nhắc nhớ với lòng tri ân bởi công đức và danh tiết của hai người như một cách thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, một bước tiếp nối truyền thống và tiếp lửa để ngọn đuốc về lòng trung hiếu, nhân nghĩa luôn vẹn nguyên và cháy mãi.



CÂU 2: HÃY TRÌNH BÀY NHỮNG CẢM XÚC CỦA BẠN VỀ TẤM GƯƠNG CỦA MỘT TRONG NHỮNG VỊ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI Ở ĐỒNG NAI QUA CÁC NHIỆM KỲ ĐÃ QUA ĐÒI MÀ BẠN BIẾT?

1. Sơ nét về sao chọn đại biểu Quốc hội của Đồng Nai, Phạm Văn Hy

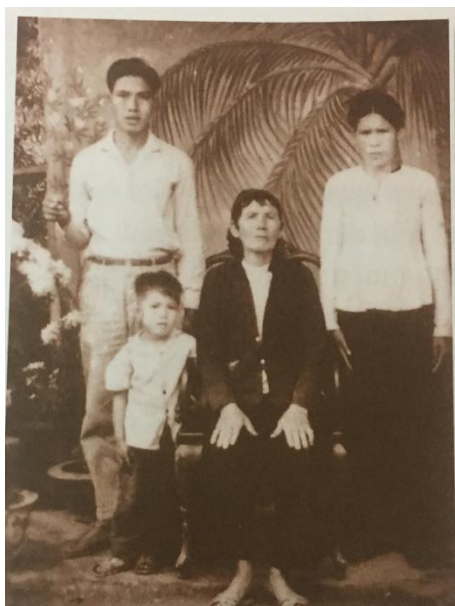


*Phạm Văn Hy
(1931-2010)*

Nhân kỷ niệm tròn 70 năm lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai (15/5/1946-15/5/2016), Thư viện tỉnh Đồng Nai đã có bài viết tổng hợp các vị lãnh đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang của tỉnh từ năm 1946 cho đến nay. Hơn nữa, qua những lần được nghe các ông, các bác, các chú nói chuyện thời sự, chính trị của tỉnh Đồng Nai, tôi có nghe nhắc đến ông Tư Hy, “ông này từng làm Phó Bí thư tỉnh mình khi vừa giải phóng”, nhờ đó tôi lưu ý đến cái tên Phạm Văn Hy, giai đoạn 1962-1964-1966 là Trưởng Ban quân sự tỉnh đội Long Khánh và giai đoạn 12/1964-1976 là Tỉnh đội phó tỉnh đội Bà Rịa - Long Khánh. Qua đối chiếu theo yêu cầu của đề thi Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa - lịch sử Đồng Nai năm nay nên đây là cơ sở cho tôi tiếp tục tìm hiểu về cuộc đời và quá trình hoạt động ông Phạm Văn Hy để phục vụ cho bài viết của mình.

2. Giới thiệu về tiểu sử và quá trình hoạt động Phạm Văn Hy

Phạm Văn Hy tên thật là Phạm Bàng, có tên gọi khác là Phạm Bang, Tư Hy, bí danh là Phạm Tiến; ông sinh ngày 10/8/1931 tại thôn Xuân Hà, xã Hải Đông, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trong một gia đình nghèo làm muối. Cha ông là Phạm Yển và mẹ là Hoàng Thị Là, đều ở Nam Định. Ông là con trai duy nhất trong gia đình có 3 chị em, chị gái là Phạm Thị Mến và em gái là Phạm Thị Ngọt. Mặc dù gia đình có năm miệng ăn nhưng chỉ có cha ông là người lao động chính nên hoàn cảnh nhà luôn túng thiếu “thiếu trước hụt sau” nhưng ông lại có suy nghĩ là phải cho các con học hành vì ông cho rằng để cho các con cái chữ là để của cho con lâu nhất và bền nhất. Lúc lên 10 tuổi, năm 1941, ông theo



Me, hai em và cháu, năm 1972

cha rời quê Nam Định đến Cấp Rang-An Lộc, huyện Xuân Lộc, tỉnh Biên Hòa để làm công nhân cạo mũ cao su. Đời sống công nhân cực khổ, điều kiện làm việc nguy hiểm, 3 năm sau, cha ông Hy mất và được an táng tại nghĩa địa Núi Đỏ, dành cho công dân ở huyện Xuân Lộc. Sau khi cha ông mất, mẹ ở quê nhà “đi thêm bước nữa” và sinh thêm em trai tên Nguyễn Đức Hạnh. Ở Xuân Lộc, một mình ông bơ vơ nên phải đi ở đợ cho Cai Giám để kiếm sống và tiếp tục tham gia cạo mũ nhưng mang tên Nguyễn Văn Đợi, một phần vì còn nhỏ và một phần để thể chân cho anh Đợi, tên người công nhân vừa bỏ trốn. Khi phong trào Thanh niên tiên phong nổi dậy, bắt Tây, đuổi Nhật, Phạm Văn Hy bị cuốn hút vào các phong trào cách mạng cách mạng ở địa phương như tham gia công tác đoàn thể, mít-tinh, biểu tình cướp chính quyền. Cách mạng tháng Tám 1945 đưa dân tộc ta bước sang một kỷ nguyên mới độc lập dân tộc, dân chủ nhân dân và chủ nghĩa xã hội. Công nhân cao su từ đây thực sự làm chủ đất nước, làm chủ tài sản do chính mình làm ra nhưng với trăm ngành khó khăn dồn dập. Các đồn điền đều ngưng hoạt động chăm sóc và khai thác mũ, hàng chục ngàn công nhân trong đồn điền cùng với gia đình lâm vào tình trạng không tiền mua gạo, thực phẩm. Số công nhân phải về quê, số khác quay sang nghề nương rẫy; nạn đói đe dọa từng ngày, từng giờ.

Rồi sau Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp ngày 6/3/1946, Pháp thắt chặt chính sách khai thác thuộc địa nhằm thu lợi nhuận tối đa. Chúng dùng thủ đoạn tăng giờ làm, tăng phần việc, tỷ lệ công nhân nữ, người già, trẻ em càng bị hạ thấp



quỹ lương phải trả. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su ngày càng phát triển, Phạm Văn Hy tiếp tục tham gia những cuộc đình công đòi tăng lương, chống đánh đập. Một thời gian sau, ông Phạm Văn Hy được giao nhiệm vụ canh gác, bảo vệ các cuộc họp bí mật của công nhân. Thế là từ đây, ông có điều kiện làm việc với các cán bộ, lãnh đạo, đảng viên. Chính họ là những người luôn bảo ban và động viên nên ông Hy có động lực làm việc và tiếp tục phát huy năng lực của mình với vai trò liên lạc mật tại sở cao su Cấp Rang-An Lộc. Trong quá trình hoạt động, Liên đoàn cao su Biên Hòa cử Phạm Văn Hy tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ vùng yếu do Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Bà Rịa- Chợ Lớn mở 3 tháng và su đó ông xin ở lại để hoạt động cho cách mạng miền Nam. Đến tháng 8/1954, ông Hy tiếp tục được cử đi học lớp về nhiệm vụ của cách mạng và phương châm, phương pháp công tác trong giai đoạn cách mạng mới. Trước mắt để để đánh lạc hướng địch tổ chức điều ông về cao su Long Thành, lấy tên Lâm Văn Hiếu. Vào làm việc ở nhà máy cao su Long Thành, ông gặp lại một số đồng chí khác từng là cán bộ Liên đoàn cao su Biên Hòa làm việc ở đây.



T
u
*
Tướng Pháp Đen-thây (bên trái) và Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu ký Hiệp định Giơ-ne-vơ tháng 7-1954. (Ảnh tư liệu)

Từ đó, Phạm Văn Hy thường xuyên gặp gỡ, lui tới bàn bạc tình hình phát huy thắng lợi của Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 vừa được ký kết. Đây là Hiệp định được ký kết, đánh dấu một bước ngoại giao tuy còn non trẻ của Việt Nam trong việc góp phần quan trọng chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương.

Chính phủ Pháp phải thừa nhận nền độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của ba nước Đông Dương, trong đó có Việt Nam. Vì thế, việc Hiệp định quy định Quân đội Pháp buộc phải rút hết khỏi Việt Nam là một thắng lợi quan trọng, quyết định việc hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc. Lúc này phong trào công nhân hưởng ứng mạnh mẽ trên nhiều địa bàn, có sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân. Sau những cuộc đấu tranh đã ảnh hưởng tốt đến các đồn điền cao su cho nên đồng chí Phạm Văn Hy được chỉ đạo tiếp tục phát huy và trực tiếp chuẩn bị cơ sở cho cuộc đấu tranh lớn của các đồn điền vào thời gian tới.

Cuối tháng 10/1954, Phạm Văn Hy được điều về trở lại đồn điền Cấp Rang-An Lộc, nơi ông đã từng sống và làm việc nên cũng gặp được nhiều thuận



lợi. Ở đây, ông lại làm thế chân cho một công nhân tên Hoàng My nên ông Hy lại có tên thường dùng là Năm My. Sau khi Phạm Văn Hy ổn định việc làm thì được giao nhiệm vụ vận động phong trào công nhân ở Cáp Rang, xây dựng phong trào mới, tham gia đấu tranh. Với năng lực của mình và trải qua thử thách, Phạm Văn Hy được xem xét kết nạp Đảng vào ngày 4/5/1955 (chính thức 27/12/1955). Tháng 11/1955, Phạm Văn Hy được cử đi học về Cương lĩnh mặt trận tổ quốc Việt Nam do đồng chí Trịnh Phong Đáng (Ba Đáng), Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa, trực tiếp hướng dẫn cho Ban Cán sự cao su. Khoảng tháng 7/1957, Thường vụ Tỉnh ủy Bà Rịa chỉ định Phạm Văn Hy vào ủy viên Ban Cán sự vùng cao su; sau đó, tiếp tục chỉ định là ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư Ban cán sự cao su Bà Rịa. Trong những lần tham gia treo cờ, rải truyền đơn, phổ biến chủ trương, ông bị bắt nhưng kiên định chống đến cùng, không để lọt vào tay địch. Qua hai lần bị địch bắt đã cho ông Hy kinh nghiệm, sự quyết tâm và lòng dũng cảm. Ông nghĩ dù có hy sinh nhưng cũng không để tài liệu lọt vào tay địch, làm thiệt hại cho cách mạng. Năm 1961, John F.Kennedy nhậm chức Tổng thống Mỹ. Chính phủ Mỹ cử nhiều phái đoàn cấp cao sang Việt Nam can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược. Cũng vào năm 1961, Bộ Chính trị trung ương Đảng ra Nghị quyết về nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam, quyết định thành lập Trung ương Cục thay cho Xứ ủy Nam bộ. Ngày 15/2/1961, Trung ương Cục quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang toàn miền thành quân giải phóng miền Nam Việt Nam. Bước đầu, xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang, lực lượng binh vận chưa được nhận thức như một mũi giáp công nhưng trê thực tế mũi binh vận giữ vai trò đặc biệt quan trọng cùng với lực lượng chính trị đã tạo ra điều kiện thuận lợi cho sự ra đời và lớn mạnh của lực lượng vũ trang. Khoảng tháng 6/1961, đồng chí Phạm Văn Hy được chỉ định vào Tỉnh ủy Bà Rịa làm ủy viên thường vụ và được giao nhiệm vụ phụ trách công tác dân vận. Đúng một năm sau, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa (ông Ba Đáng) phải nhận nhiệm vụ mới nên đồng chí Phạm Văn Hy được giao đảm nhiệm Quyền Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa.



Trong một lần, Phạm Văn Hy đi tham dự Hội nghị công đoàn giải phóng miền Nam tại Tỉnh ủy Bình Long, ông tình cờ gặp Trần Thị Thuần, sinh năm 1934 tại Quảng Lợi - Bình Long - Sông Bé. Trần Thị Thuần, một cô gái đẹp người đẹp nết, là con



gái trong một gia đình cơ sở, cha từng là công chức sở Tây nhưng sớm giác ngộ cách mạng. Riêng bản thân Trần Thị Thuần cũng từng hoạt động hợp pháp với tư cách là y tá hộ sinh ở nhà thương sở Quảng Lợi từ năm 1956-1957, Giai đoạn Đế quốc Mỹ leo thang, gây Chiến tranh cục bộ ở miền Nam Việt Nam. Mỹ không thực hiện được mục tiêu là tiêu diệt quân chủ lực của ta, làm cho quân ta phải phân tán đánh nhỏ, đánh du kích. Trong quá trình làm nhiệm vụ của mình, bà Trần Thị Thuần từng bị bắt và bị tù đày ở Côn Đảo, sau đó được thả về và làm y tá ở Văn phòng Tỉnh ủy Bình Long. Nhờ anh em đồng chí kết nối và theo thời gian, tình cảm giữa ông Phạm Văn Hy và Trần Thị Thuần ngày càng gắn kết. Tháng 12/1962, ông Phạm Văn Hy và Trần Thị Thuần trở thành đôi vợ chồng trẻ để sánh đôi bước tiếp trên đường đời. Họ có 3 người con trai nhưng hai người con đầu bị bệnh chết khi còn nhỏ, người con út tên Phạm Văn Việt. Vào năm 1964, Trung ương Cục tiếp tục quyết định thành lập tỉnh Long Khánh, ông Phạm Văn Hy từ Quyền Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa được cử về làm Bí thư tỉnh Long Khánh. Ở đây, ông đã cùng các đồng chí trong Ban thường vụ luôn quan tâm đến công tác chỉ đạo việc xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng. Đến cuối năm 1966, Long Khánh sáp nhập tỉnh Bà Rịa, tỉnh Biên Hòa thành tỉnh Long - Bà- Biên (thường gọi tắt là tỉnh Bà Biên), đồng chí Phạm Văn Hy tiếp tục giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy Bà Biên. Khi người con con út Phạm Văn Việt được 1 tuổi, vào tháng 12/1968, trên đường đi công tác cùng bộ đội, Trần Thị Thuần hy sinh. Hiện, liệt sĩ Trần Thị Thuần được an nghỉ tại Nghĩa trang liệt sĩ huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.



Phạm Văn Hy và Huỳnh Thị Phượng kỷ niệm một năm sau kết hôn, năm 1972

Hơn ba năm sau kể từ ngày bà Trần Thị Thuần hy sinh, qua anh em giới thiệu, tháng 7/1971, Phạm Văn Hy đi thêm bước nữa và kết duyên cùng Bà Huỳnh Thị Phượng (*là con trong một gia đình công nhân, cha mẹ mất sớm, 6 anh chị em của bà Phượng đều tham gia cách mạng và gắn bó với Đảng*). Lúc này Phạm Văn Hy đang là Bí thư tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, còn bà

Huỳnh Thị Phượng đang giữ nhiệm vụ Bí thư Ban Cán sự cao su. Trong thời gian gắn bó Phạm Văn Hy và Huỳnh Thị Phượng có hai người con, con trai tên Phạm Văn Nam và con gái Phạm Huỳnh Anh.



Bên cạnh hạnh phúc riêng nhưng Phạm Văn Hy không quên nhiệm vụ chung với vai trò lãnh đạo ở khu vực trọng yếu trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc từ năm 1968-1975. Lúc bấy giờ do xác định Long Khánh có vị trí khá quan trọng cả về quân sự, chính trị và kinh tế nên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Xuân Lộc-Long Khánh luôn là một trong những trọng điểm “bình định” của Mỹ Ngụy ở miền Đông nam Bộ. Long Khánh được thành trung tâm quân sự, nơi đóng quân của nhiều căn cứ quân sự và cơ quan đầu não của Mỹ - ngụy. Vào cuối cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, Long Khánh trở thành chiến trường vô cùng ác liệt. địch xây dựng tuyến phòng thủ vững chắc với lực lượng mạnh nhất của Quân đoàn 3 nhằm bịt kín cửa ngõ vào sát Sài Gòn. Ta tập trung quân đoàn 4 cùng các lực lượng địa phương mở chiến dịch Xuân Lộc, quyết phá vỡ tuyến phòng thủ cuối cùng của địch.



Ảnh trái: Bé Phạm Văn Việt (con với người vợ Trần Thị Thuần) và Phạm Văn Nam, năm 1973

Ảnh phải: Bé Phạm Hỳnh Anh, năm 1974

Ngày 04/01/1970, Bí thư Tỉnh ủy Phạm Văn Hy quyết định thành lập Ban Chỉ huy tiền phương trọng điểm 1 nhằm đẩy mạnh phong trào chống phá bình định trên chiến trường Long Đất gồm các thành viên sau:

<i>STT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh hiện tại</i>	<i>Nhiệm vụ trong Ban Chỉ huy tiền phương 1</i>
1	Lê văn Việt	Tinh đội phó	Chỉ huy trưởng
2	<i>(Tên thường gọi)</i> Hai Hà	Tham mưu trưởng Tỉnh đội	Chỉ huy phó 1
3	Nguyễn Đức Thu	Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 455	Chỉ huy phó 2
4	Trần Công Khánh	UVBTV Tỉnh ủy	Chính ủy
5	Tạ Hồng Xinh	Bí thư huyện ủy Long Đất	

Sau khi thành lập, Ban Chỉ huy tiền phương trọng điểm 1 đã liên tục tổ chức vũ trang tuyên truyền, huy động lực lượng vũ trang an ninh binh vận và lực lượng vũ trang huyện và phối hợp du kích xã trong vùng Đất Đỏ, Long Điền, Tam Phước, phát động quần chúng đấu tranh nổi dậy giành quyền làm chủ, chống phá âm mưu bình định đặc biệt của địch. Kết quả của ta đã gây cho địch nhiều tổn thất, hạn chế hành động gian ác của địch. Hàng loạt cuộc tiến



công đồn dập của quân và dân Long Đất cũng như ở các huyện thị khác đã đánh mạnh vào chương trình bình định đặc biệt của Mỹ ngụy làm chuyển biến thế trận chiến tranh nhân dân trên chiến trường. Phong trào ngày càng lớn mạnh và có thêm những nhân tố mới, quần chúng tận dụng mọi hình thức công khai và bán công khai để tấn công dư luận, dựa vào báo chí bàn bạch chống Mỹ và bọn tay sai, đòn hòa bình, chấm dứt chiến tranh, đòi Mỹ ngụy rút quân, đòi địch phải giải quyết yêu sách. Ngày 8-10-1972, Việt Nam gửi cho Mỹ bản dự thảo “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam” và đề nghị thảo luận để đi đến ký kết. Hơn nữa, thất bại của Mỹ trên chiến trường miền Nam cùng với thất bại của không quân chiến lược Mỹ trên bầu trời Hà Nội, đẩy Mỹ vào thế thua không thể gượng nổi, buộc chúng phải chấp nhận thất bại, nối lại đàm phán tại Pari. Cuối cùng, ngày 27/01/1973, Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam đã được ký chính thức (Hiệp định Pa-ri năm 1973) trong đó nêu rõ Mỹ và các nước khác cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam. Mỹ phải hoàn toàn chấm dứt chiến tranh xâm lược, chấm dứt sự dính líu về quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam. Rút hết quân đội của Mỹ và của các nước khác, cố vấn và nhân viên quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh, hủy bỏ tất cả các căn cứ quân sự. Nhưng sau Hiệp định Pa-ri, Mỹ không giữ lời hứa nên vào đầu năm 1974, chiến sự trên địa bàn Bà Rịa Long Khánh vẫn còn diễn ra vô cùng quyết liệt giữa ta và địch. Địch khôi phục hệ thống ụ ngầm (Long Đất), phát triển hầm hào phòng ngự, duy trì một bộ phận chủ lực và bảo an tăng phái, thực hiện “kế hoạch lập ấp” với âm mưu lấn chiếm vùng ta. Các trục lộ 1, lộ 20, lộ 2, lộ 23, thường xuyên có địch bung ra đánh phá, lấn chiếm, phục kích và gài trái. Nhưng với sự chiến đấu ngoan cường của các lực lượng vũ trang, quân và dân ta mới giành được hòa bình sau ngày 30/4/1975 lịch sử. Hòa chung niềm vui sau



Phạm Văn Hy đọc nhật lệnh trong ngày giải phóng

ngày giải phóng, Phạm Văn Hy tiếp quản thành phố Vũng Tàu và ông nhanh chóng tổ chức và chủ trì nhiều thảo

Tiếp Đại tướng Võ Nguyên Giáp thăm Vũng Tàu cuối tháng 5-1975, Ảnh: T.L



luận đề đưa ra chủ trương nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân, củng cố hoạt động sản xuất, kinh doanh và bộ máy chính quyền, giữ vững an ninh chính trị trật tự xã hội; phát động phong trào thu gom văn hóa phẩm động viên, tổ chức chiếu bóng lưu động, biểu diễn văn nghệ phục vụ quần chúng.

Năm 1976, tỉnh Đồng Nai được thành lập trên cơ sở sát nhập tỉnh Biên Hòa (nông thôn và thành thị), Bà Rịa - Long Khánh, Tân Phú, Phạm Văn Hy tiếp tục nhận nhiệm vụ mới về phụ trách Khu Kỹ nghệ Biên Hòa. Trước 1975, khu công nghiệp Biên Hòa và các đồn điền cao su đều do tư bản quản lý, Sau giải phóng, các hoạt động ở khu vực này đều ngưng trệ, hàng vạn công nhân lâm vào tình trạng thất nghiệp. Lúc này, Phạm Văn Hy đã cùng Đảng bộ chính quyền Đồng Nai đã xây dựng và đề ra nhiều biện pháp khôi phục lại, giải quyết việc làm cho trên hai vạn công nhân, vận động nhân dân trở về làng cũ ổn định sản xuất, hàng trăm gia đình đi xây dựng vùng kinh tế mới. Thực hiện tiến hành quốc hữu hóa chuyển thành quốc doanh các xí nghiệp của tư sản mại bản và những người bỏ chạy ra nước ngoài; lập các xí nghiệp công tư hợp doanh; xây dựng hệ thống mậu dịch quốc doanh và hợp tác mua bán trong toàn tỉnh. Phạm Văn Hy còn xây dựng mục tiêu đào tạo nhân tố con người và xây dựng Đảng để đáp ứng yêu cầu của giai đoạn hiện tại. Tập trung kiện toàn chi bộ phường, xã, nâng cao chất lượng đảng viên; xây dựng quy hoạch có tính kế thừa.



Buổi kết thúc khóa học ở Trường Nguyễn Ái Quốc, Hà Nội, 1979

Lựa chọn những đảng viên, quần chúng ưu tú trong phong trào hành động cách mạng ở địa phương đưa đi đào tạo. Đề bạt cán bộ trẻ, có triển vọng vào cương vị bí thư, chủ tịch phường xã. Giải quyết mối quan hệ già, trẻ, cũ, mới; phát huy thế mạnh của mỗi loại cán bộ trên cơ sở xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

Đầu năm 1977, ông đi học trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc ở Hà Nội. Sau khi kết thúc khóa học trở về và đến năm 1981, Phạm Văn Hy lúc này là Ủy viên trung ương Đảng khóa V, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Đồng Nai được Trung ương Đảng tăng cường về Đảng bộ Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo. Một đơn vị hành chính như tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở hợp nhất Đảng bộ thị xã Vũng Tàu (Đồng Nai), Đảng bộ huyện Côn Đảo (Hậu Giang) và Chi bộ xã Long Sơn (Đồng Nai) với yêu cầu nhiệm vụ phục vụ công cuộc tìm kiếm, thăm dò khai thác dầu khí; phát triển công nghiệp hải sản, chế

biển nuôi trồng các loại hải sản phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu; phát triển du lịch, bảo đảm an ninh quốc phòng ngoại vụ và các nhiệm vụ kinh tế- xã hội khác... Năm 1982, đến kỳ Đại hội Đảng bộ Đặc khu lần 2, Phạm Văn Hy được bầu làm Bí thư Đặc khu. Ở nhiệm vụ này, Phạm Văn Hy đã cùng các



đồng chí trong Ban Thường vụ đoàn kết, nhất trí, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy sức mạnh tập thể hoàn thành nhiệm vụ tìm kiếm, thăm dò và chuẩn bị khai thác dầu khí, mở ra triển vọng cho ngành công nghiệp dầu khí những năm về sau của đất nước.

Năm 1984, nội bộ tỉnh Đồng Nai diễn biến phức tạp nhất là sau vụ án Mười Vân (Nguyễn Hữu Giộc, khi ấy là Giám đốc cô *Phạm Văn Hy thăm giàn khoan, 1982* Giộc bị tuyên án tử hình, vụ án tiếp tục được

điều tra mở rộng). Phạm Văn Hy lại được Trung ương gấp rút điều về nhận nhiệm vụ Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai. Ông tiếp tục “nghiên cứu, suy nghĩ” xử lý vấn đề sao cho dân chủ, có tình có lý và củng cố nội bộ, giải tỏa tư tưởng cán bộ, nhân dân ổn định tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh. Khoảng tháng 7/1987, đang là Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai, Phạm Văn Hy lại được Trung ương điều về nhận nhiệm vụ Tổng cục Trưởng Tổng cục Cao su nhằm để giải quyết tình hình mất đoàn kết kéo dài giữa những người lãnh đạo Cục và kết quả nội bộ đoàn kết và đi vào ổn định. Do có điểm xuất phát từ một người công nhân cạo mủ nên Phạm Văn Hy rất

rành trong hoạt động của nghề. Ông nhanh chóng đưa cây cao su lên Tây Nguyên, miền Trung; liên doanh mở rộng cây cao su tiêu điền, cao su nhân dân bằng hình thức nhà nước giao vốn kỹ thuật rồi mua lại sản phẩm. Nhờ đó, diện tích cây



Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm ngành cao su, năm 1988



Cây cao su Việt Nam

cao su ngày càng mở rộng đáng kể. Cuối năm 1989, nhằm phục vụ công tác tổ chức và bộ máy quản lý, Phạm Văn Hy đề xuất Chính phủ đưa Tổng cục Cao su



về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện khoán sản phẩm và góp phần giải quyết một bước đời sống công nhân toàn ngành, liên doanh sản xuất giữa Liên bang Nga-Việt Nam và được Chính phủ chấp nhận. Sau đó, Phạm Văn Hy trở lại cương vị Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai. Bằng đạo đức và tinh thần gương mẫu, ông đã cùng tập thể xây dựng và phát triển nội bộ, quy hoạch vùng kinh tế xây dựng Long Bình, mời gọi đầu tư nước ngoài để phát huy thế mạnh của một tỉnh công nghiệp.

Tháng 8/1991, theo Nghị quyết của Quốc hội khóa VIII kỳ họp thứ 9, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được thành lập gồm Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo và các huyện phía Nam tỉnh Đồng Nai (*Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc*). Phạm Văn Hy lại được Trung ương điều về và ở Đại hội Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu lần thứ nhất vào tháng 4/1991, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Kế thừa những thành tựu của Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo trước đây (*mà cũng chính do ông đề xuất khi lãnh đạo ở Đặc khu giai đoạn 1981-1984*) và những



Phạm Văn Hy tham dự kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa IX

tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, Phạm Văn Hy đã cùng Đảng bộ, nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại biểu Đảng bộ lần thứ nhất mà tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã đề ra trên các mặt an ninh, chính trị, kinh tế, xã hội của tỉnh nhà. Rồi Phạm Văn Hy tiếp tục là ủy viên Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa VII, đại biểu Quốc hội khóa

IX đến khi nghỉ hưu theo chế độ vào ngày 01/03/1998 và thường trú tại 113/8 đường Phan Chu Trinh, phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi nghỉ hưu, Phạm Văn Hy tích cực tham gia Hội Khoa học lịch sử, Hội Sinh vật cảnh. Ngoài ra, Phạm Văn Hy cũng đặc biệt quan tâm đến việc cung cấp tư liệu và tổ chức sưu tầm, biên soạn lịch sử hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ ở Nam bộ, miền Đông Nam bộ...cho đến ngày ông từ giã cuộc sống trong thanh thản vào hồi 08 giờ 10 phút, ngày 30/4/2010 tại Bà Rịa - Vũng Tàu, hưởng thọ 79 tuổi.

Do có công hiến to lớn cho sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cũng như trong thời kỳ xây dựng và phát triển đất nước, Phạm Văn Hy vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng:

- Huân chương Độc lập, hạng Nhất.
- Huân chương Kháng chiến lâu dài và anh hùng của dân tộc, hạng Ba.
- Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất và nhiều Huy hiệu, Bằng khen, Giấy khen.
- Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, năm 2005.



Ông Phạm Văn Hy cùng ông Phan Văn Trang tham gia Hội đồng Chỉ đạo biên soạn lịch sử miền Đông Nam bộ, 2003



Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa-Vũng Tàu Phạm Văn Hy "tay bắt mặt mừng" Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai Phan Văn Trang trong ngày khánh thành trụ sở mới Tỉnh ủy Đồng Nai, 1994

3. Phạm Văn Hy, người ra đi nhưng còn động lại

Đã hơn 5 năm kể từ ngày đồng chí Phạm Văn Hy đi về cõi vĩnh hằng, nhưng tên tuổi của ông - người chiến sĩ cách mạng Phạm Văn Hy, vẫn còn khắc sâu trong trí nhớ của nhiều người dân của vùng Đông Nam bộ nhất là tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Qua tiểu sử và niên biểu cuộc đời ông cho ta thấy Phạm Văn Hy là người của lao động và làm việc. Lao động để mà nuôi sống chính bản thân mình và làm việc để mà cống hiến cho Tổ quốc, quê hương, cho những mảnh đất mà ông đã đặt chân đến.



Phạm Văn Hy đã sống vì lý tưởng cách mạng, đã đi trọn con đường của một người chiến sĩ và luôn mang "năng ấm" cho mọi người mà không mưu cầu lợi danh.



Vào giai đoạn chiến tranh, Phạm Văn Hy chỉ đạo linh hoạt, hiệu quả các hoạt động tại chiến trường miền Nam, đặc biệt là miền Đông Nam bộ. Bản thân ông bám trụ tại chiến trường Long Khánh, Bình Ba, Lộ 2 và khu vực các đồn điền cao su. Phạm Văn Hy có công rất lớn trong việc vận động, tổ chức, xây dựng cơ sở cách mạng nằm sâu trong dân, giác ngộ cách mạng và tập hợp lực lượng cách mạng nhiều thế hệ công nhân các đồn điền cao su. Cũng qua sự vận động của anh mà nhiều người thêm tin tưởng cách mạng, nuôi giấu cán bộ, cung cấp lương thực, thuốc men, che chở và dẫn đường cho bộ đội. Có lần bị dân vệ bắt giữ, anh đã mưu trí và dũng cảm đánh tháo. Nhiều người dân biết anh là người của cách mạng, giúp anh cất đường, tìm về căn cứ. Sau này, khi đất nước giải phóng và nhất là khi đã về hưu, anh dành thời gian tìm đến những gia đình nuôi giấu cán bộ, ân cần thăm hỏi, chia sẻ. Anh là người trọng ân tình, sống vì nghĩa, đối đãi với bạn hữu bằng tất cả tấm lòng và sự thẳng thắn, chân chất của người chiến sĩ cách mạng. Trong Phạm Văn Hy, ý chí và dòng máu cách mạng dường như cứ chảy mãi trong ông.

Những năm tháng sôi động khi cả nước bước vào giai đoạn chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, Khu ủy cho tách thành phố Vũng Tàu thành thành phố thuộc Khu ủy, anh giữ trọng trách Bí thư Thành ủy kiêm chính trị viên, Tổng tư lệnh chỉ đạo lực lượng vũ trang và phối hợp với Sư đoàn 3, Đại đội 32 đặc công thủy xây dựng và thực hiện kế hoạch tiến công giải phóng thành phố Vũng Tàu. Và anh chính là người đọc nhật lệnh với tư cách là Chủ tịch Ủy ban Quân quản thành phố Vũng Tàu, tuyên bố giờ cáo chung của chế độ ngụy quyền Sài Gòn, thành phố Vũng Tàu được giải phóng, chính quyền cách mạng thực sự về tay nhân dân. Ngay sau đó, anh đã chỉ đạo hàng loạt những hoạt động trấn an lòng dân, lo cái ăn cái mặc cho dân; kêu gọi và tạo điều kiện đưa người dân các tỉnh về quê; tổ chức lại hoạt động sản xuất; thu gom súng ống và các loại vũ khí, đạn dược binh lính ngụy bỏ lại; kêu gọi và tổ chức cho 27.000 binh lính, sĩ quan ngụy trình diện, tham gia học tập các chính sách mới của Đảng, Nhà nước; tổ chức mít tinh vào sáng 15/5/1975, với sự tham gia diễu hành của xe tăng, thiết giáp, lực lượng vũ trang và hàng chục ngàn dân cầm cờ hoa, giương biểu ngữ hân hoan chào đón chính quyền mới. Phạm Văn Hy là người đi đầu trong chương trình thí điểm đổi



Xe tăng quân giải phóng diễu hành tại cuộc mít tinh tại Vũng Tàu ngày 15/5/1975



quỹ đất lấy công trình do Trung ương chỉ đạo; nhờ chính sách này mà Bà Rịa - Vũng Tàu đã có sự thay đổi lớn về bộ mặt cảnh quan, hạ tầng cơ sở vật chất. Các công trình phúc lợi: đường, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch... đến tận các xã vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

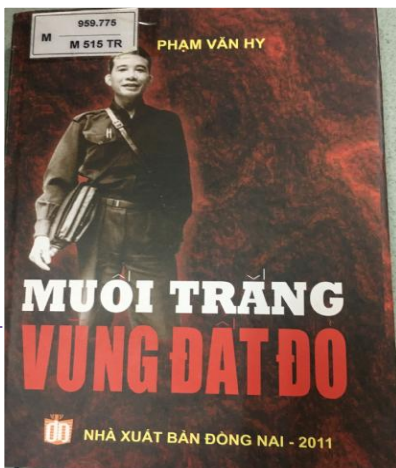
Khi đảm nhận vai trò phụ trách Khu Kỹ nghệ Biên Hòa, rồi Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Đồng Nai, Phạm Văn Hy đã có công trong việc thu hút đầu tư có yếu tố nước ngoài để duy trì và phát triển sản xuất, xây dựng đoàn kết nội bộ trong đội ngũ đảng viên, cán bộ và phát triển nguồn nhân lực, phát triển sản xuất và ổn



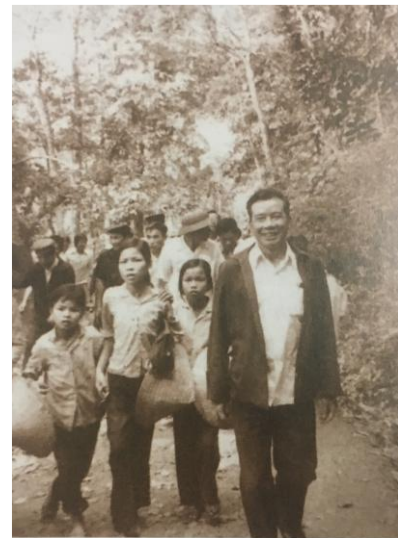
Cảnh khai thác, thăm dò dầu khí lúc bấy giờ

định đời sống nhân dân. Tiếp đến Phạm Văn Hy chỉ đạo, điều hành ở vùng “phân khúc” Bà Rịa-Vũng Tàu và Đồng Nai (ở Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo), Bí thư Tỉnh ủy Đặc khu Phạm Văn Hy lại có thành tích xuất sắc trong việc khai thác, thăm dò dầu khí và phát triển du lịch ở khu vực này và được tiếp tục phát huy cho đến hôm nay. Hay đến khi ông ra

ngoài vùng Bà Rịa-Vũng Tàu và Đồng Nai về Tổng Cục trưởng Tổng cục Cao su cũng đã để lại dấu ấn qua thành quả điều hành của mình. Phạm Văn Hy là người đưa cây cao su lên Tây Nguyên, ra Quảng Trị, để ngày nay cây cao su đã phủ xanh nhiều đồi núi, cải thiện đời sống người dân ở vùng đất này. Ở vai trò, Phạm Văn Hy đều thành công và làm tròn nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao trọng trách trong thời chiến lẫn thời bình trong việc tái kiến thiết nền kinh tế - xã hội, là nhờ tài thu phục cán bộ, quy tụ chất xám, ủng hộ cái mới, biết lắng nghe và dám tiên phong làm trước và sẵn sàng đối diện với cái khó, cái khổ mà làm. Từng giữ trọng trách ở cấp Trung ương nhiều khóa, Bí thư ở nhiều tỉnh, nhưng anh không hề quan cách, mà còn rất dân dã, bình dị.



Như một món quà tinh thần để ghi nhận những đóng góp của Phạm Văn Hy trong công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa



Phạm Văn Hy giản dị giữa đời thường



phương, Đồng Nai đã cho xuất bản và công bố ấn phẩm “Muối trắng vùng đất đỏ”. Một cuốn sách kể lại cuộc đời hoạt động cách mạng, niên biểu của đồng chí nguyên Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai một cách khách quan, chân thật về quá trình hoạt động của ông trong công cuộc đấu tranh gian khó giành độc lập, tự do cho quê hương, đất nước. Nhưng ý nghĩa cao cả hơn là tác dụng giáo dục về truyền thống đấu tranh bất khuất, xây dựng quê hương, để lại cho con cháu và thế hệ mai sau tham khảo, học tập.

4. Kết luận

Hơn sáu mươi năm hoạt động cách mạng, 80 tuổi đời và năm mươi lăm tuổi đảng. Có thể nói ông là người “đứng mũi, chịu sào”, nơi nào cần thì ông đến, nơi nào khó ông lại sang, là người cầm lái vượt qua bao con sóng của cuộc đời và luôn cập bến an toàn và vững chắc. Do điều kiện và hoàn cảnh ông không có học hàm, học vị nhưng lúc nào Phạm Văn Hy cũng luôn vươn cao ngọn cờ cách mạng, côn tư duy sắc bén, nhạy cảm và sáng tạo ông đã có công đóng góp nhiều cho Đảng, cho nhà nước và vùng Đông Nam Bộ. Dấu ấn Phạm Văn Hy là một người là một người đảng viên, cán bộ dám nghĩ, dám làm, nói đi đôi với làm và dám chịu trách nhiệm, tiên phong, sáng tạo và ủng hộ cái mới. Vì nơi nào có Phạm Văn Hy là nơi đó có sự tiến bộ, đoàn kết và phát triển nên có người nhận định ông là “một người lính cứu hỏa” nhưng với tôi, tôi lại lại muốn phong cho ông là “đại sứ hòa bình” do ông luôn là trung tâm của sự “kết nối yêu thương” tình anh em, tình đồng chí và tình đồng nghiệp với nhau trong những hoàn cảnh khó khăn nhất. Ông Phan Văn Trang, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai nhận định “Tôi rất quý trọng và mến thương tấm lòng nhân hậu, sống chết có nhau của người bạn quê hương “Bắc Hải Hậu” Tư Hy. Con người được cha mẹ sinh ra, lớn lên chỉ cần sống có lòng nhân hậu. Một đời người có biết là bao sóng gió ba đào, khi trời yên biển lặng, khi thì biển động sóng trào, dù sự vận biến đổi mức nào mình vẫn vững vàng đi tới không ngã nghiêng thì tồn tại. Tôi không kết bạn với Tư Hy nhưng lòng thủy chung trước sau như một tình bạn, tình đồng chí, ruột thịt tự nhiên đưa tới như bạn chí thân”. Phạm Văn Hy, tuy xa mà cũng thật gần vậy đó. Một cán bộ, đảng viên, Phạm Văn Hy đại diện cho những con người sống có lý tưởng cao đẹp, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội; lao động giỏi, sống có tình, có nghĩa, giàu lòng yêu quê hương, đất nước. Do đó, thế hệ tiếp tiếp bước sau, nhất là thế hệ trẻ hãy nêu gương ông và cần phải:

- Thường xuyên học tập để không ngừng nâng cao trình độ học vấn, để tự rèn luyện để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao



- Nâng cao ý thức cảnh giác, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, phòng chống các tệ nạn xã hội và thực hành tiết kiệm.

- Tiếp thu và phát huy truyền thống cách mạng của Đảng, của dân tộc, xây dựng lòng yêu nước, ý thức trách nhiệm công dân, phát huy tinh thần sáng tạo, vượt khó khăn; phát huy tinh thần sẵn sàng, “đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên”

Cuối cùng xin mượn lời trong bài “Thương tiếc đồng chí Phạm Văn Hy” của đồng chí Huỳnh Văn Tới, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai để tổng kết cuộc đời và nhân cách về ông - chiến sĩ cách mạng Phạm Văn Hy, từng là đại biểu Quốc hội khóa VIII, IX của đơn vị tỉnh Đồng Nai:

.....Tuổi mười một, đầu trần chân đất,
Theo chân cha lưu lạc phương Nam.
Hạt lành Hải Đông bảm đất Cáp Rang,
Kiếp dân phu trăm bề tủi cực.
Mười ba tuổi nghẹn buồn cha mất
Bơ vơ, chìm nổi, ở đợ, làm thuê!
Như hạn gặp mưa: Cách mạng. Thoát ly.
Tuổi nhỏ, công to, góp phần vào nghiệp lớn.
Bước trai trẻ đi khắp nơi cần đến
Lắm tai ương, bao phen đổi họ thay tên
Dũng cảm, thông minh, thoát chết tắc gang
Việc nước, việc nhà kiên trung vì cách mạng.
.....55 tuổi Đảng, 3 nhiệm kỳ cấp ủy trung ương.
2 nhiệm kỳ đại biểu quốc dân, 5 lần Bí thư Tỉnh ủy.
.....Với Đảng và cách mạng: Tận tâm, tin tưởng, trung thành
Với đồng đội, đồng chí, gia đình: Luôn chia sẻ, ân cần, chu đáo
Với kẻ địch: Dũng cảm, mưu trí, không khéo.
Với chính mình: Nghiêm khắc, điều độ, bình dân.
.....Riêng - Chung trọn một tấm lòng./.



Đồng chí Phạm Văn Hy và đồng chí Huỳnh Văn Tới, năm 2005



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Ban chỉ đạo lễ kỷ niệm 300 năm vùng đất Biên Hoà - Đồng Nai (1999)*, Biên Hoà - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển, Nhà xuất bản Đồng Nai.
2. *Bảo Định Giang*, Bùi Hữu Nghĩa - con người và tác phẩm, NXB. TP. Hồ Chí Minh, 1988.
3. *Bảo Định Giang*, Bùi Hữu Nghĩa - con người và tác phẩm, NXB Trẻ, 2005
4. *Phạm Văn Hy*, Muối trắng vùng đất đỏ, NXB Đồng Nai, 2011
5. *Phan Văn Trang*, Những kỷ niệm của một đời người, NXB Đồng Nai, 2012
6. Website Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai <https://dost-dongnai.gov.vn>
7. Website Báo Đồng Nai <http://www.baodongnai.com.vn>
8. Website Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ <http://cantho.edu.vn>
9. Website Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang <http://www.angiang.edu.vn>.
10. Kỷ yếu Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đồng Nai qua các nhiệm kỳ, NXB Đồng Nai.
11. Website Tạp chí quốc phòng toàn dân <http://tapchiquptd.vn>
12. Website Tạp chí công sản <http://www.tapchicongsan.org.vn>
13. Website Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam <http://dangcongsan.vn>
14. Website Bảo tàng tỉnh Đồng Nai <http://www.baotangdongnai.vn>
15. Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai, tập II, NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2000.
16. Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai, tập III, NXB Tổng hợp Đồng Nai, 2007.
17. 30 năm xây dựng và phát triển kinh tế tỉnh Đồng Nai, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006.



PHỤ LỤC 1

VỀ MỘT SỐ CÔNG TRÌNH KHÁC MANG TÊN BÙI HỮU NGHĨA

1. Đồng Nai: Ngoài việc sử dụng tên Bùi Hữu Nghĩa để đặt tên đường, tên ông còn được dùng để đặt tên cho:

- Trường THCS Bùi Hữu Nghĩa
- Bùi Hữu Nghĩa được tạc tượng và trưng bày trong Vườn tượng danh nhân văn hóa Trần Biên tại Văn miếu Trần Biên



Trường THCS Bùi Hữu Nghĩa tọa lạc tại KP 13, Hố Nai, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai



Tượng Bùi Hữu Nghĩa tại Khu vườn tượng tại Văn miếu Trần Biên

2. Cần Thơ:



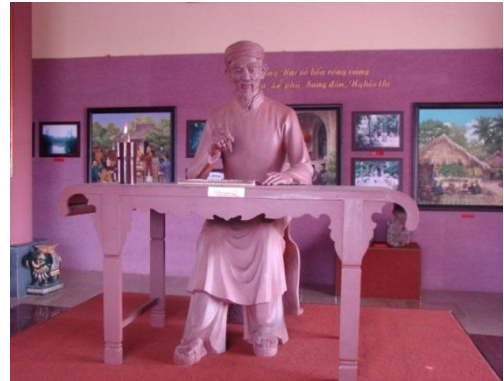
- Khu tưởng niệm Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa

UBND thành phố Cần Thơ đã đầu tư từ năm 2010-2014 với diện tích trên 10.000 m². Khu tưởng niệm đã được công nhận là Khu Di tích lịch sử cấp Quốc

gia, biểu tượng giáo dục lòng yêu nước, sự ham học hỏi và thái độ sống khiêm nhường cho hậu thế.

Khu tưởng niệm có bốn công trình chính gồm ba tòa nhà lớn trong đó chính giữa là nhà thờ, bên trái nhà trung bày, bên phải nhà khách và một nhà bia ngay cổng vào để lược ghi tài năng, công đức của ông. Mộ ông nằm ngay sau nhà thờ.

- Trường THPT Bùi Hữu Nghĩa



PHỤ LỤC 2

MỘT SỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỒNG CHÍ PHẠM VĂN HY

Thời kỳ 1945 - 1954, địa giới hành chính Biên Hòa lại thay đổi vì mục đích quân sự. Năm 1951, quận Bà Rịa đổi thành quận Sông Bé và nhập về tỉnh Thủ Dầu Một; trong khi đó chính quyền cách mạng nhập hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một thành tỉnh Thủ Biên; Bà Rịa và Chợ Lớn thành tỉnh Bà Rịa (trong đó có huyện Long Thành thuộc tỉnh Biên Hòa) để tiện cho hoạt động kháng chiến. Từ năm 1957, chính quyền Mỹ-Diệm chia Biên Hòa thành 2 tỉnh: Biên Hòa và Long Khánh; lúc đó tỉnh Biên Hòa gồm 4 quận (Châu Thành, Dĩ An, Long Thành, Tân Uyên); năm 1959, chính quyền Sài Gòn lập tỉnh Phước Thành gồm 3 quận: Hiếu Liêm, Tân Uyên, Phú Giáo đến tháng 7 năm 1965 thì giải thể; năm 1960, đặt quận Nhơn Trạch tách từ quận Long Thành và năm 1963 tách 1 phần quận Châu Thành lập quận Công Thanh; tỉnh Long Khánh có 2 quận (Xuân Lộc và Định Quán); đến năm 1967, tỉnh Long Khánh có thêm quận Kiệm Tân.

Về phía cách mạng, tháng 5 năm 1955, tỉnh Thủ Biên tách thành 2 tỉnh: Biên Hòa và Thủ Dầu Một; sau đó (Tháng 10 năm 1960 đến tháng 3 năm 1963) tỉnh Biên Hòa lại tách thành 2 tỉnh: Biên Hòa và Long Khánh. Tháng 9 năm



1960 lập lại tỉnh Thủ Biên gồm Biên Hòa và Thủ Dầu Một; đến tháng 7 năm 1961 tách Thủ Biên thành 3 tỉnh: Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Phước Thành. Từ tháng 3 đến tháng 12 năm 1963, 3 tỉnh Biên Hòa, Long Khánh, Bà Rịa nhập thành tỉnh Bà Biên. Tháng 12 năm 1963 đến tháng 10 năm 1966, tỉnh Bà Biên tách trở lại thành 3 tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh; tháng 10 năm 1967, Bà Rịa và Long Khánh hợp thành tỉnh Bà Rịa - Long Khánh. Từ tháng 1 năm 1965, thị xã Biên Hòa thành đơn vị U1 trực thuộc Trung ương Cục miền Nam. Tháng 5 năm 1971, U1 nhập với Phân khu 5 thành Phân khu Thủ Biên; đến tháng 10 năm 1972, lập lại tỉnh Biên Hòa và tỉnh Bà Rịa - Long Khánh cho đến ngày giải phóng. Từ tháng 10 năm 1973, có thêm tỉnh Tân Phú do Trung ương cục thành lập.

Đến năm 1976, tỉnh Đồng Nai được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh, Tân Phú. Từ năm 1978 đến nay thêm nhiều lần điều chỉnh đơn vị hành chính cấp huyện: Sáp nhập huyện Duyên Hải (Cần Giò) vào thành phố Hồ Chí Minh (1978), thành lập Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo gồm: Thị xã Vũng Tàu, xã Long Sơn và huyện Côn Đảo (1979), lập huyện Trường Sa trước thuộc huyện Long Đất, sau thuộc Khánh Hòa (1982) rồi Nha Trang (1994); thành lập thị xã Vĩnh An (1985) rồi trở lại huyện Vĩnh Cửu (1994); chia huyện Xuân Lộc thành hai huyện: Long Khánh và Xuân Lộc (1991); chia huyện Tân Phú thành hai huyện mới: Tân Phú và Định Quán (1992), 3 huyện Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc nhập với Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo thành tỉnh mới Bà Rịa - Vũng Tàu (1991); chia huyện Long Thành thành hai huyện: Long Thành và Nhơn Trạch (1994).

Năm 1976, đất nước thống nhất, tỉnh Đồng Nai được thành lập trên cơ sở của 3 tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa - Long Khánh và Tân Phú. Từ đó cho đến nay đã có nhiều sự điều chỉnh, thay đổi địa giới như: cắt huyện Duyên Hải (sáp nhập vào TP. Hồ Chí Minh - năm 1978), cắt 3 huyện: Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc nhập vào Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo để thành lập tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (năm 1991) hay việc hình thành, nâng cấp các đơn vị hành chính cơ sở trong nội bộ tỉnh. Một điều đáng chú ý là quần đảo Trường Sa thuộc huyện Long Đất (năm 1976), nâng lên cấp huyện Trường Sa thuộc tỉnh Đồng Nai (năm 1982) và cuối năm 1982, huyện đảo Trường Sa tách ra để nhập vào tỉnh Phú Khánh (Khánh Hòa sau này).

Theo Địa chí Đồng Nai